

Bản án số: 15/ 2020/ HNGĐ - ST

Ngày: 10 - 9 - 2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bình

Ông Lưu Xuân Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/ 2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Ngọc D, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ 2, pH M, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị Thúy H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 2, pH M, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai, nguyên đơn ông Phan Ngọc D trình bày, năm 1988 ông D tổ chức lễ cưới với bà Dương Thị Thúy H, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân pH Lương Châu vào năm 1988 và được Ủy ban nhân dân pH Lương Châu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 1988. Giấy chứng nhận kết hôn sau khi được cấp ông D, bà H cất trong tủ, nhưng vừa rồi tìm không thấy, nên không thể cung cấp nộp giấy chứng nhận kết hôn theo yêu cầu của Tòa án. Ông D chỉ nhớ, ông D và bà H lên Ủy ban nhân dân pH Lương Châu làm thủ tục đăng ký kết hôn, cụ thể thủ tục được thực hiện như thế nào thì do thời gian quá lâu nên không thể nhớ được. Đến khoảng từ năm 1994 - 1995, ông D và bà H cất chuyển khẩu về pH M. Kể từ khi cất chuyển khẩu về pH M, ông D và bà H không đến làm thủ tục hoặc khai báo việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân pH M. Quá trình chung sống được thời gian ngắn thì ông D và bà H đã phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống và phong cách sống, sống không có tình cảm, hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Thực tế ông D và bà H đã ly thân từ năm 2015 đến nay, nay ông D xác định không còn tình cảm, yêu cầu giải quyết ly hôn bà H. Về con chung, ông D và bà H đã có 02 con chung là Phan Hạnh Hằng, sinh năm 1989 và Phan Thạch Thảo, sinh năm 1998. Các con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đủ khả năng lao động để tự chăm lo cho cuộc sống của mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, ông D và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Dương Thị Thúy H khai về thời điểm bà H và ông D tổ chức lễ cưới đúng như ông D đã trình bày, còn việc có đăng ký kết hôn không thì đến thời điểm này bà H không nhớ, bà H xác định thực tế đến thời điểm này bà chưa bao giờ nhìn thấy hoặc cầm tờ giấy đăng ký kết hôn nào với ông D. Bà H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D. Về con chung, bà H và ông D đã có 02 con chung như ông D đã trình bày, các con chung hiện đều đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, bà H và ông D tự thỏa thuận, nếu sau này không tự thỏa thuận được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do cả ông D và bà H đều không giao nộp được giấy chứng nhận kết hôn, xét thấy cần thiết, ngày 18/5/2020, Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, yêu cầu Ủy ban nhân dân pH Châu Sơn cung cấp thông tin: Trong khoảng thời gian từ năm 1988 đến nay, Ủy ban nhân dân pH Lương Châu có làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông Phan Ngọc D, sinh năm 1963 và bà Dương Thị Thúy H, sinh năm 1970; hiện đều có địa chỉ tại: Tổ 2, pH M, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên không? nếu có đăng ký kết hôn thì cụ thể vào ngày, tháng, năm nào? Trường hợp trong khoảng thời gian đã nêu ở trên (từ năm 1988 đến nay), ông D và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân pH Lương Châu (nay sáp nhập với xã Vinh Sơn thành pH Châu Sơn), đề nghị cung cấp cho Tòa án bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của ông Phan Ngọc D và bà Dương Thị Thúy H. Tại công văn số 477/ UBND-TP ngày 12/8/2020, Ủy ban nhân dân pH Châu Sơn cung cấp thông tin: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu trữ được tại pH Châu Sơn (trước đây là pH Lương Châu) thì chỉ lưu trữ được Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 trở lại đây, còn từ năm 1988 không lưu trữ được. Sổ kết hôn từ năm 1989 đến nay không có trường hợp kết hôn nào có tên là Phan Ngọc D, sinh năm 1962 và Dương Thị Thúy H, sinh năm 1970. Đồng thời Ủy ban nhân dân pH đã liên hệ với các đồng chí nguyên là lãnh đạo và cán bộ Tư pháp pH Lương Châu giai đoạn 1985 đến 1995, mặc dù các đồng chí đều còn minh mẫn nhưng đều trả lời do thời gian diễn ra lâu nên không nhớ được có đăng ký kết hôn cho trường hợp này hay không.

Tại phiên tòa, các đương sự không nộp bổ sung thêm được tài liệu, chứng cứ gì. Ông D và bà H đều giữ nguyên lời khai; ông D giữ nguyên quan điểm xin ly hôn bà H, bà H không đồng ý ly hôn; về con chung, tài sản chung, công nợ chung

cả ông D và bà H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cơ bản đã tuân thủ theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự, các đương sự và cơ quan, tổ chức tuân thủ thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ. Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận ông D và bà H là vợ chồng; buộc ông D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia và gia đình về ly hôn. Bị đơn cư trú tại thành phố Sông Song, theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Theo cả ông D và bà H khai, ông bà chung sống từ năm 1988 (sau thời điểm ngày 03/01/1987, là ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật), nhưng đều không xuất trình được Giấy chứng nhận kết hôn do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đối với Ủy ban nhân dân pH Châu Sơn (là nơi bà H cư trú tại thời điểm ông D và bà H bắt đầu chung sống) theo nội dung: “Trong khoảng thời gian từ năm 1988 đến nay, Ủy ban nhân dân pH Lương Châu có làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông Phan Ngọc D và bà Dương Thị Thúy H không? nếu có đăng ký kết hôn thì cụ thể vào ngày, tháng, năm nào? Trường hợp trong khoảng thời gian đã nêu ở trên (từ năm 1988 đến nay), ông D và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân pH Lương Châu (nay sáp nhập với xã Vinh Sơn thành pH Châu Sơn), đề nghị cung cấp cho Tòa án bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của ông Phan Ngọc D và bà Dương Thị Thúy H.”. Tại công văn phúc đáp số 477 ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân pH Châu Sơn qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu trữ được tại pH Châu Sơn (trước đây là pH Lương Châu) thì chỉ lưu trữ được Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 trở lại đây, còn năm 1988 không lưu trữ được, sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 đến nay không có trường hợp kết hôn nào có tên là Phan Ngọc D, sinh năm 1962 và Dương Thị Thúy H, sinh năm 1970. Đồng thời qua liên hệ với các đồng chí nguyên là lãnh đạo và cán bộ Tư pháp PH Lương Châu giai đoạn 1985 đến 1995, mặc dù các đồng chí đều còn minh mẫn nhưng đều trả lời do thời gian diễn ra lâu nên không có đăng ký kết hôn cho trường hợp này hay không. Ngoài ra, lời khai về việc đăng ký kết hôn của ông D và bà H có sự mâu thuẫn, ông D khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân pH Lương Châu vào năm 1988, về phía bà H lúc đầu khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân pH Lương Châu, sau lại khẳng định không nhớ có đăng ký kết hôn không, bà H xác định đến thời điểm này bà chưa bao giờ nhìn thấy hoặc được cầm tờ giấy đăng ký kết hôn

nào với ông D. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông D và bà H đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông D xin ly hôn, căn cứ quy định Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án quyết định tuyên bố không công nhận ông D và bà H là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống, ông D và bà H có 02 con chung, hiện đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đủ khả năng lao động để tự chăm lo cho cuộc sống của mình. Cả ông D và bà H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Cả ông D và bà H đều không có yêu cầu giải quyết, nên trong vụ án này Tòa án không xem xét. Sau này, nếu ông D, bà H có yêu cầu, sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

2.4. Về nợ chung, cả ông D và bà H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

[3] Về án phí: Ông D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cơ bản đã tuân thủ theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự; các đương sự, cơ quan, tổ chức thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của họ. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận ông D và bà H là vợ chồng; buộc ông D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận ông Phan Ngọc D và bà Dương Thị Thúy H là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung của ông Phan Ngọc D và bà Dương Thị Thúy H đều đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động. Ông D và bà H đều không yêu cầu giải quyết về con chung. Không xem xét.

3. Về tài sản chung: Cả ông Phan Ngọc D và bà Dương Thị Thúy H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

4. Về nợ chung: Cả ông Phan Ngọc D và bà Dương Thị Thúy H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

5. Về án phí: Ông Phan Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007894 ngày 20/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn là ông Phan Ngọc D và bị đơn là bà Dương Thị Thúy H.

Báo cho ông D, bà H biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- UBND pH Châu Sơn + M;
- Chi cục THA DS TP. Sông Công;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Văn Phong